TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58 /2024**/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Phạm Thị Em**

2- Ông **Trần Văn Tiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mai Đình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Việt** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61 /2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn P,** sinh năm: 1975; địa chỉ: F ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P: Bà Đinh Thị Bé M –Luật sư Văn Phòng L thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Phan Thị Q,** sinh năm: 1972; địa chỉ: F ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại Toà. .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P và ông P cùng trình bày:

Vợ chồng ông P do quen biết rồi tự nguyện kết hôn vào năm 2004. Ông P, bà Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng ông P sống hạnh phúc được một thời gian nhưng đến năm 2021 vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống; trong cuộc sống hàng ngày thỉnh thoảng bà Q còn có lời lẽ không tôn trọng ông P. Ông P đi làm xa trên thành Phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng ông P mới về thăm nhà, thăm con nhưng vợ chồng ông P không có chuyện trò gì, không quan tâm gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Đến nay, ông P bà Q đã ly thân được hơn 3 năm. Trong thời gian ly thân ông vẫn đi làm và sống chủ yếu tại thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, nhưng cũng như trước vợ chồng ông không quan tâm gì nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn bà Q. Ông P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Ông P, bà Q có 02 con chung tên Huỳnh Phan Duy T, sinh ngày 21/8/2008 và Huỳnh Phan Duy T1, sinh ngày 15/4/2013. Ông P đồng ý giao 02 con cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con là 3.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: tự thỏa thuận; Về nợ chung: không có.

Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Q trình bày:

Bà thống nhất những lời trình bày của ông P về thời điểm ông bà kết hôn.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau. Ông bà thỉnh thoảng cự cãi giữa vợ chồng với nhau nhưng chỉ là cự cãi nhỏ. Ông P hiện đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về nhà thăm con, còn vợ chồng bà cũng không trò chuyện gì. Vợ chồng bà không chung sống cùng nhau đã 3 năm nay. Cuộc sống hàng ngày của ông P như thế nào bà không biết, mặc dù bà đã cố gắng liên lạc với ông P bằng điện thoại, mạng xã hội nhưng ông P không trả lời; Về thăm nhà ông P cũng không nói chuyện với bà, không hỏi han gì đến cuộc sống, sức khỏe của bà, có lần bà và con cùng té xe thì ông P chỉ quan tâm con, không quan tâm bà. Hiện tại, bà không có biện pháp gì để vợ chồng bà hàn gắn tình cảm nhưng theo bà Q vợ chồng bà có thể hàn gắn được nếu ông P chịu trò truyện với bà.

Bà vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn; Trường hợp Toà án giải quyết cho ông P ly hôn với bà thì bà không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung như ông P trình bày. Bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con cũng là phù hợp với nguyện vọng của 02 con. Bà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi con 4.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận; Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P với bà Q. Giao 02 con tên Huỳnh Phan Duy T, sinh ngày 21/8/2008 và Huỳnh Phan Duy T1, sinh ngày 15/4/2013 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận ông P1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 3.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tài sản chung: tự thỏa thuận, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung không có; Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bà Q hiện đang sinh sống tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông P và bà Q tự nguyện kết hôn vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/4/2004 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông P cho rằng vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Q.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng ông P, bà Q hàn gắn tình cảm nhưng trong quá trình hòa giải các bên vẫn không hàn gắn được. Tại phiên tòa ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Q.

Theo xác minh của Tòa án thể hiện ông P, bà Q đã phát sinh mâu thuẫn, 03 năm nay vợ chồng ông P, bà Q không chung sống cùng nhau.

Bản thân bà Q cho rằng bà vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông P, không đồng ý ly hôn với ông P, tuy nhiên bà không có cách gì để vợ chồng ông bà đoàn tụ. Qua hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà Q cũng thừa nhận rằng từ năm 2021 đến nay bà và ông P không sống chung, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai người đó sống.

Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P, bà Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của ông P với bà Q là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận ông P, bà Q không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

[2.2] Về con chung: có 02 con tên Huỳnh Phan Duy T, sinh ngày 21/8/2008 và Huỳnh Phan Duy T1, sinh ngày 15/4/2013. Hiện các cháu đang do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng; bản thân 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, ông P cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà Q nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung của ông P, bà Q là cháu Duy T và Duy T1 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà Q yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi mỗi con là 4.000.000 đồng một tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại hợp đồng lao động của ông P với công ty T2 ông P được nhận mức lương, phụ cấp với tổng số tiền là 11.127.000 đồng (mười một triệu một trăm hai mươi bảy ngàn đồng). Theo sao kê của ngân hàng do ông P nộp thể hiện thu nhập do công ty trả lương cho ông P bình quân 3 tháng gần đây là 14.922.666 đồng (mười bốn triệu chín trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Ông P chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi con, mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 2, Điều 7 nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.

Căn cứ Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 thì địa bàn huyện C là vùng 2, mức lương tối thiểu vùng là 4.210.000 đồng; Vì vậy việc ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi con 3.000.000 đồng một tháng, là cao hơn một nửa tháng

lương tối thiểu vùng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông P, bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Nợ chung: Ông P, bà Q khai không có.

[2.5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng ông ông P phải nộp.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn P được ly hôn với bà Phan Thị Q.

Quan hệ hôn nhân của ông P, bà Q chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông P, bà Q không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Huỳnh Phan Duy T, sinh ngày 21/8/2008 và Huỳnh Phan Duy T1, sinh ngày 15/4/2013 cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) mỗi tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà Q trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: ông P, bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Nợ chung: Ông P, bà Q khai không có.

5.Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng ông P phải nộp.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông P phải nộp

Tổng cộng ông P phải nộp 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000343 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông P còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí (*ba trăm ngàn đồng*)

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
-UBND xã Phú Túc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**